

Bản án số: 75/2024/DS-PT

Ngày: 27/3/2024.

*V/v tranh chấp giao dịch dân
sự liên quan đến tài sản thừa
kế và chia thừa kế.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Kim Liên

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Cường
ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: bà Bùi Thị Dung, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 246/2023/TLPT-DS ngày 15/11/2023 về tranh chấp giao dịch dân sự liên quan đến tài sản thừa kế và chia thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2023/DS-ST ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 295/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Đỗ Thị Thu L, sinh năm 1946.

Địa chỉ: số 326 đường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: ông Trần X V, sinh năm 1971; địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam (văn bản uỷ quyền ngày 29/3/2023). Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: bà Lưu Thị L - Luật sư của Văn phòng Luật sư Lưu L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: bà Võ Thị B, sinh năm 1977; địa chỉ: số 326 đường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: ông Đào Duy K, sinh năm 1971; địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam (văn bản uỷ quyền ngày 17/5/2021). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Văn phòng Công chứng Quảng Nam; địa chỉ: số 12 đường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Hữu L; chức vụ: Trưởng Văn phòng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Đỗ Thị Bích L, sinh năm 1954; địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đỗ Thị Bích L: bà Lưu Thị L - Luật sư của Văn phòng Luật sư Lưu L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Cháu Phạm Vũ Phương H, sinh năm 2006 và cháu Phạm Đăng K, sinh năm 2009. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Phạm Vũ Phương H và cháu Phạm Đăng K: bà Võ Thị B, sinh năm 1977 (là mẹ ruột); cùng địa chỉ: số 326 đường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1952; địa chỉ: tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

- Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1954; địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1959; địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1959; địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Ông Đỗ H, sinh năm 1965; địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bà Đỗ Thị X, sinh năm 1967; địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Bà Bùi Thị N, sinh năm 1929; địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bà Đỗ Thị Thúy D, sinh năm 1960; địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bà Đỗ Thị Phương X, sinh năm 1965; địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Ông Đỗ Phú C, sinh năm 1968. Có mặt.

- Bà Đỗ Thị Trâm A, sinh năm 1970. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Bà Đỗ Thị Thùy T, sinh năm 1973; địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Ông Phạm Đăng V, sinh năm 1934.

Địa chỉ: United States (Hoa Kỳ). Vắng mặt.

- Ngân hàng TMCP S (S) - chi nhánh Quảng Nam.

Địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Phạm N T - Chức vụ: Chuyên viên Quản lý nợ - Phòng Kiểm soát rủi ro thuộc Ngân hàng TMCP S chi nhánh Quảng Nam (Giấy uỷ quyền số 22/2023/GUQ-CNQN ngày 01/01/2023). Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu L, bị đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của các cháu Phạm Vũ Phương H, Phạm Đăng K - bà Võ Thị B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Bích L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Cha bà Đỗ Thị Thu L là ông Đỗ Đ (chết năm 1972) và mẹ là bà Phan Thị T (chết năm 1994). Cha mẹ bà L sinh được 03 người con chung là: Đỗ Thị T, Đỗ Thị Thu L và Đỗ Thị Bích L. Ngoài 03 chị em bà L ra thì cha bà L còn có 02 con riêng là ông Đỗ S (chết năm 1988), ông Đỗ C (chết năm 1972, nhưng chết sau ông Đỗ Đ). Ông Đỗ C và ông Đỗ S có vợ và con như bà đã trình bày tại đơn khởi kiện. Sau khi cha mẹ bà L chết thì 03 chị em bà L gồm: bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thị Thu L và bà Đỗ Thị Bích L đã lập Biên bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cha, mẹ để lại là ngôi nhà gắn liền quyền sử dụng đất tại số 326 đường P, thành phố T được Văn phòng Công chứng Quảng Nam công chứng. Nội dung phân chia di sản là giao toàn bộ nhà, đất của cha mẹ để lại là ngôi nhà số 326 đường P, Tp. T cho bà Đỗ Thị T sở hữu và bà T có trách nhiệm thanh toán cho bà Đỗ Thị Thu L số tiền 250.000.000đồng và thanh toán cho bà Đỗ Thị Bích L số tiền 300.000.000đồng. Sau khi có Văn bản thỏa thuận, bà T đã sang tên quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở cho con là ông Phạm Văn T nhưng bà T chưa thôi trả tiền cho bà L và bà L. Năm 2018, bà Đỗ Thị T chết, lúc này bà L mới biết việc thì bà T đã sang tên tặng cho con là ông Phạm Văn T (chết năm 2017) toàn bộ nhà, đất nói trên. Nay, bà L thấy việc ba chị em bà thỏa thuận phân chia di sản của cha mẹ để lại là ngôi nhà gắn liền quyền sử dụng đất tại số 326 đường P, Tp. T là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của người thừa kế các con riêng của ông Đỗ Đ. Ngoài ra, bà T cũng chưa có thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho bà L và bà L theo thỏa thuận nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế giữa bà Đỗ Thị T, Đỗ Thị Thu L và Đỗ Thị Bích L đối với di sản của ông Đỗ Đ và bà Phan Thị T là vô hiệu;

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 326 đường P, thành phố T;

- Phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối di sản là nhà, đất tại số 326 đường P, thành phố T;

- Bà L bổ sung yêu cầu được trích công sức bảo quản di sản tương ứng với 01 kỷ phần thừa kế mà bà L được hưởng theo quy định của pháp luật.

** Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Đào Duy K trình bày:*

Bà Võ Thị B và ông Phạm Văn T kết hôn năm 2005. Bà B chỉ biết vợ chồng ông Đỗ Đ và bà Phan Thị T chỉ có 03 người con chung là: bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thị Thu L và bà Đỗ Thị Bích L. Việc bà T, bà L và bà B thỏa thuận thống nhất phân chia di sản của cha mẹ để lại là giao cho bà T được quyền sở hữu toàn bộ di sản. Sau khi có Văn bản thống nhất phân chia di sản thừa kế trên thì bà T đã lập hợp đồng tặng cho con trai là ông Phạm Văn T tài sản là hợp pháp. Quá trình sử dụng nhà đất tại số 326 P, thành phố T, bà T, ông T và bà B đã nhiều lần tu bổ, sửa chữa nhà ở. Đến năm 2001 thì bà Đỗ Thị T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông T đã giao tiền cho bà Đỗ Thị L nhận 30 triệu đồng. Khi thỏa thuận phân chia di sản thì các bên không cam kết thời hạn thực hiện nghĩa vụ thanh toán phần của bà L và bà B.

Nay nếu bà L và bà B yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại thì bà B đại diện cho các con của bà B đồng ý. Nếu bà L yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và chia di sản thừa kế của ông Đỗ Đ và bà Phan Thị T để lại là nhà, đất tại số 326 P, thành phố T thì bà B không đồng ý. Vì nếu bà L nói việc thỏa thuận phân chia di sản không đúng pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của con riêng ông Đỗ Đ thì chính bà L có lỗi. Vì đã che dấu các con riêng của ông Đỗ Đ nên đề nghị Tòa án truất quyền thừa kế của bà L. Ngoài ra, việc UBND phường Điện Nam Đông, thị xã Điện Bàn chỉ xác nhận quan hệ huyết thống giữa ông Đỗ S với những người con thì chưa có cơ sở để xác định quan hệ huyết thống giữa ông Đỗ Đ với ông Đỗ S, ông Đỗ C. Bà L kiện yêu cầu chia thừa kế nhưng không xác định được giá trị di sản để chia.

Bà B đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L. Nay ông T đã chết thì di sản của ông T được chia cho ông Phạm Đăng V là cha của ông T, bà B và 02 con chung của bà B và ông T là các cháu Phạm Vũ Phương H, Phạm Đăng K.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- T Bản tường trình ngày 16/8/2023 Văn phòng Công chứng Quảng Nam trình bày: cuối năm 2013, theo yêu cầu của bà Đỗ Thị T đề nghị Văn phòng Công chứng Quảng Nam xác lập hồ sơ phân chia di sản thừa kế của ông Đỗ Đ (chết) và bà Phan Thị T (chết) đối với di sản thừa kế nhà ở và đất ở tại địa chỉ 326 P, phường An X, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công chứng, thẩm tra người yêu cầu công chứng về ý chí, nội dung giao dịch; kiểm tra giấy tờ pháp lý về chủ thể tham gia giao dịch cùng tài sản là đối tượng của việc chia thừa kế. Xét thấy hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Căn cứ Biên bản thống nhất việc giao

nhận nhà, quản lý và sử dụng được xác lập do UBND phường An X chứng thực chữ ký ngày 13/4/1999 và TAND thị xã T (nay là Tp. T) tỉnh Quảng Nam xác nhận ngày 12/6/2001 kèm theo giấy tờ pháp lý liên quan.

Ngày 23/01/2014, Văn phòng Công chứng Quảng Nam đã ký Văn bản phân chia di sản thừa kế số công chứng 128 quyển số 01 - TP/CC-SCC/HĐGD. Trong đó có các đồng thừa kế sau:

1. Bà: Đỗ Thị T Sinh năm: 1934

Chứng minh nhân dân: 200302809 cấp tại Công an Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ) (quan hệ thừa kế với ông Đỗ Đ (chết) và bà Phan Thị T (chết) là con đẻ).

2. Bà: Đỗ Thị Thu L Sinh năm: 1946

Chứng minh nhân dân: 200209673 cấp tại Công an Quảng Nam- Đà Nẵng (cũ) (quan hệ thừa kế với ông Đỗ Đ (chết) và bà Phan Thị T (chết) là con đẻ).

3. Bà: Đỗ Thị Bích L Sinh năm: 1954

Chứng minh nhân dân: 205909520 cấp tại Công an tỉnh Quảng Nam (quan hệ thừa kế với ông Đỗ Đ (chết) và bà Phan Thị T (chết) là con đẻ).

Nội dung phân chia thống nhất giao toàn bộ diện tích thửa đất và tài sản gắn liền với đất cho bà Đỗ Thị T trọn quyền sở hữu, sử dụng. Đồng thời, bà Đỗ Thị T có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính thời trả lại giá trị cho bà Đỗ Thị Thu L và bà Đỗ Thị Bích L như sau:

+ Thanh toán cho bà Đỗ Thị Thu L số tiền 250.000.000đồng.

+ Thanh toán cho bà Đỗ Thị Bích L số tiền 300.000.000đồng (số tiền thanh toán nêu trên do 03 đồng thừa kế tự giải quyết và tự chịu trách nhiệm).

Ngày 13/9/2001, ông Phạm Đăng V (là chồng bà Đỗ Thị T) ký kết “Văn bản cam kết về tài sản” do Văn phòng Công chứng Quảng Nam chứng nhận số công chứng 868 quyển số 02 - TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/6/2014 cam kết tài sản nêu trên là tài sản riêng của bà Đỗ Thị T.

Ngày 26/6/2014, bà Đỗ Thị T xác lập hồ sơ yêu cầu công chứng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho con trai là ông Phạm Văn T và được Văn phòng Công chứng Quảng Nam chứng nhận số công chứng 964 quyển số 02 - TP/CC- SCC/HĐGD ngày 26/6/2014.

Toàn bộ quá trình nhận và thực hiện hồ sơ ký công chứng nêu trên hoàn toàn tuân thủ đúng trình tự, thủ tục công chứng do pháp luật quy định. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Bà Đỗ Thị Bích L trình bày:* bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu L. Về việc đại diện bị đơn nói bà nhận 30.000.000đồng là không có, mà do ông Phạm Văn T cho con bà là Hồ Đắc Bảo Nguyên mượn để làm nhà.

- *Bà Bùi Thị N trình bày:* bà là vợ của ông Đỗ C (chết tháng 7/1972). Bà L khởi kiện liên quan đến tài sản của cha chồng bà để lại là nhà, đất tại số 326

đường P, thành phố T, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bà Đỗ Thị L, bà Đỗ Thị T, ông Đỗ H, bà Đỗ Thị X, bà Đỗ Thị Thúy D, bà Đỗ Thị Phương X, ông Đỗ Phú C, bà Đỗ Thị Trâm A, bà Đỗ Thị Thùy T thống nhất trình bày: ông nội các ông bà là ông Đỗ Đ (Đỗ Đình Đ) và bà nội là Nguyễn Thị Yên (Én) sinh được 02 người con là Đỗ S và Đỗ C. Năm 1939, bà nội các ông bà chết. Ông nội cưới thêm vợ sau tên Phan Thị T sinh được 03 người con là: bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thu Thị L và bà Đỗ Thị Bích L. Ông nội các ông bà có căn nhà tại số 326 P, Tp. T do chính ông nội xây dựng và ở tại đó cho đến ngày mất năm 1972. Sau khi ông nội qua đời, ba, chú và các cô vẫn ở đó cho đến khi lập gia đình và ở riêng. Các cô (con đời sau) vẫn ở cùng bà nội cho đến khi bà nội qua đời năm 1994. Hiện tại căn nhà này cũng là nơi thờ tự ông nội và các bà nội của các ông bà, do cô Đỗ Thị T và Đỗ Thị Thu L trực tiếp ở và bảo quản, hương khói. Năm 2018, cô Đỗ Thị T qua đời thì các ông bà mới được biết căn nhà trên đã được các cô tự ý chuyển nhượng trước đó cho vợ chồng ông Phạm Văn T (là con cô Đỗ Thị T) mà không có sự thống nhất của các ông bà. Hiện nay xảy ra tranh chấp, các ông bà có ý kiến như sau: không đồng ý việc các cô Đỗ Thị T, Đỗ Thị Thu L và Đỗ Thị Bích L tự ý phân chia, định đoạt quyền thừa kế do ông nội các ông bà để lại và yêu cầu Tòa án giải quyết theo luật định về quyền thừa kế để đảm bảo quyền lợi chung cho tất cả con cháu.

- Người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP S, Phòng giao dịch T - ông Phạm N Trung trình bày: ông Phạm Văn T và bà Võ Thị B có vay của Ngân hàng TMCP S, Phòng giao dịch T theo Hợp đồng tín dụng số LD 1420600220 ngày 25/7/2014 với số tiền 150.000.000đồng. Tính đến thời điểm xét xử (ngày 28/8/2023), ông T và bà B còn nợ tiền gốc 32.000.000đồng. Đây là vụ án dân sự liên quan đến tài sản thế chấp, Ngân hàng TMCP S, Phòng giao dịch T yêu cầu khách hàng tất toán toàn bộ khoản vay trước khi rút tài sản.

T Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2023/DS-ST ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Áp dụng khoản 5 Điều 25, khoản 3 Điều 33 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2004; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 618, 623, 649, 651, 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 06/2016/AL; các Điều 12, 14, khoản 1, 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu L về việc “Tranh chấp giao dịch dân sự liên quan đến tài sản thừa kế và chia thừa kế”.

- Hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được công chứng ngày 23/01/2014 và hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 326 đường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam được công chứng ngày

26/6/2014.

- Giao cho bà Võ Thị B quản lý, sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản ngôi nhà gắn liền với diện tích đất 94,4m² tại số 326 P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam đã được UBND thành phố T cấp Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 14/7/2014 cho ông Phạm Văn T (có sơ đồ bản vẽ trong Giấy CNQSD đất kèm theo).

2. Bà Đỗ Thị Thu L được quyền lưu cư trong thời gian 03 (ba) tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Bà Võ Thị B phải trả số tiền do được chia thừa kế cho từng người được nhận như sau:

3.1. Bà Đỗ Thị Thu L 1.718.588.390đồng (một tỷ, bảy trăm mười tám triệu, năm trăm tám mươi tám ngàn, ba trăm chín mươi đồng).

3.2. Bà Đỗ Thị Bích L 1.422.280.390đồng (một tỷ, bốn trăm hai mươi hai triệu, hai trăm tám mươi ngàn, ba trăm chín mươi đồng).

3.3. Bà Đỗ Thị Thúy D 106.671.000đồng (một trăm lẻ sáu triệu, sáu trăm bảy mươi một ngàn đồng).

3.4. Bà Đỗ Thị Phương X 106.671.000đồng (một trăm lẻ sáu triệu, sáu trăm bảy mươi một ngàn đồng).

3.5. Ông Đỗ Phú C 106.671.000đồng (một trăm lẻ sáu triệu, sáu trăm bảy mươi một ngàn đồng).

3.6. Bà Đỗ Thị Trâm A 106.671.000đồng (một trăm lẻ sáu triệu, sáu trăm bảy mươi một ngàn đồng).

3.7. Bà Đỗ Thị Thùy T 106.671.000đồng (một trăm lẻ sáu triệu, sáu trăm bảy mươi một ngàn đồng).

3.8. Bà Đỗ Thị M 88.892.500đồng (tám mươi tám triệu, tám trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng).

3.9. Bà Đỗ Thị M 88.892.500đồng (tám mươi tám triệu, tám trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng).

3.10. Bà Đỗ Thị L 88.892.500đồng (tám mươi tám triệu, tám trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng).

3.11. Bà Đỗ Thị T 88.892.500đồng (tám mươi tám triệu, tám trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng).

3.12. Ông Đỗ H 88.892.500đồng (tám mươi tám triệu, tám trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng).

3.13 Bà Đỗ Thị X 88.892.500đồng (tám mươi tám triệu, tám trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Đỗ Thị Thu L, bà Đỗ Thị Bích L, bà Đỗ Thị M, bà Đỗ Thị M, bà Đỗ Thị L, bà Đỗ Thị T và bà Đỗ Thị Thúy D là người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà Võ Thị B được miễn án phí dân sự sơ

thẩm.

Bà Đỗ Thị Phương X, ông Đỗ Phú C, bà Đỗ Thị Trâm A và bà Đỗ Thị Thuý T mỗi người phải chịu 5.333.500đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đỗ H và bà Đỗ Thị X mỗi người phải chịu 4.444.600đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, trách nhiệm thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/9/2023, nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu L kháng cáo cho rằng bà sinh sống trong ngôi nhà này từ nhỏ đến nay, không còn chỗ ở nào khác nên đề nghị được nhận nhà, đất và yêu cầu định giá lại tài sản vì giá trị 5.926.167.800đồng là thấp so với giá thị trường.

Ngày 07/9/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Bích L kháng cáo đề nghị giao cho bà Đỗ Thị Thu L được nhận nhà, đất hoặc giao cho bà và bà L nhận nhà, đất và định giá lại tài sản.

Ngày 07/9/2023, bị đơn đồng thời là người đại diện theo pháp luật của hai cháu Phạm Vũ Phương H và Phạm Đăng K - bà Võ Thị B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

T phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Trần X V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông Trần X V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Bích L giữ nguyên nội dung kháng cáo về yêu cầu được nhận nhà, đất; không yêu cầu Toà án định giá lại tài sản. Ông V và bà L cho rằng hiện nay giá trị nhà, đất tăng lên 01 tỷ đồng so với thời điểm định giá nên yêu cầu Toà án công nhận giá trị di sản là 6.926.167.800đồng.

- Bị đơn đồng thời là người đại diện theo pháp luật của hai cháu Phạm Vũ Phương H, Phạm Đăng K - bà Võ Thị B trình bày rằng: nhà, đất tại số 326 đường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, diện tích 94,4m² là tài sản của bà Đỗ Thị T, đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho con là ông Phạm Văn T (chồng của bà B), được công chứng ngày 26/6/2014; không có căn cứ cho rằng ông Đỗ C và ông Đỗ S là con của ông Đỗ Đ và bà không đồng ý trích công sức tôn tạo, gìn giữ và quản lý di sản thừa kế cho bà Đỗ Thị Thu L.

- Luật sư Lưu Thị L bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Đỗ Thị Thu L và bà Đỗ Thị Bích L cho rằng nhà, đất tại số 326 đường P là di sản của ông Đỗ Đ và bà Phan Thị T. Văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế ngày 23/01/2014 thiếu người thừa kế và bà Đỗ Thị T chưa thực hiện nghĩa vụ thôi trả. Bà L, bà L yêu cầu được nhận nhà, đất và yêu cầu công nhận giá trị tài sản là 6.926.167.800đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà L và bà L.

- Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Bích L. Ông Đỗ Đ chết trước bà Phan Thị T nên phải chia di sản của ông Đ cho vợ và 05 người con trước, sau đó chia di sản của bà Phan Thị T cho 03 người con. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Võ Thị B, sửa một phần bản án sơ thẩm và điều chỉnh lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, Văn phòng Công chứng Quảng Nam có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Đỗ Thị M, bà Đỗ Thị M, bà Đỗ Thị L, bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thị Phương X, bà Đỗ Thị Trâm A, bà Đỗ Thị Thuỳ T, ông Phạm Đăng V và đại diện Ngân hàng TMCP S - chi nhánh Quảng Nam không kháng cáo nhưng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn đồng thời là người đại diện theo pháp luật của hai cháu Phạm Vũ Phương H và Phạm Đăng K - bà Võ Thị B với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về nguồn gốc nhà, đất tranh chấp: bị đơn bà Võ Thị B cho rằng nhà, đất tại số 326 đường P, thành phố T, diện tích 94,4m² là tài sản của bà Đỗ Thị T, đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho con là ông Phạm Văn T (chồng của bà B), được công chứng ngày 26/6/2014 nhưng bà B không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh đây là tài sản riêng của bà Đỗ Thị T. Trong khi tại văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế được công chứng ngày 23/01/2014 của bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thị Thu L, bà Đỗ Thị Bích L và tại phiên toà sơ thẩm, phiên toà phúc thẩm, các bà L, L, N, các con ông Đỗ C, Đỗ S đều thừa nhận: nhà, đất tại số 326 đường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam có nguồn gốc thuộc sở hữu của ông Đỗ Đ và bà Phan Thị T.

[2.2] Mặc dù bà Võ Thị B không thừa nhận ông Đỗ S và ông Đỗ C là con của ông Đỗ Đ nhưng căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập được như: Lý lịch cán bộ, công chức, viên chức của bà Đỗ Thị Phương X (con của ông Đỗ C), Sơ yếu lý lịch của bà Đỗ Thị L (con của ông Đỗ S), Đơn xin xác nhận của ông Đỗ H ngày 22/02/2023 và Giấy chứng tử ngày 07/10/1972 đối với ông Đỗ C, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định ông Đỗ C và ông Đỗ S là con của ông Đỗ Đ (Đỗ Đình Đ). Vì vậy, việc bà Đỗ Thị T, Đỗ Thị Thu L và bà Đỗ Thị Bích L tự lập văn bản

thoả thuận phân chia di sản do ông Đỗ Đ và bà Phan Thị T để lại được công chứng ngày 23/01/2014 là trái quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền lợi về tài sản của các con ông C, ông S. Mặt khác, bà Đỗ Thị T chưa bồi trả tiền cho bà L và bà L nhưng bà T lại lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được công chứng ngày 26/6/2014 cho ông Phạm Văn T cũng trái quy định của pháp luật. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm tuyên huỷ văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế được công chứng ngày 23/01/2014 và huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 326 đường P, thành phố T được công chứng ngày 26/6/2014 là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà Võ Thị B.

[2.3] Về di sản thừa kế và phân chia di sản thừa kế:

[2.3.1] Theo Biên bản định giá tài sản, Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/3/2023, Chứng thư thẩm định giá số 325/CTTĐG-VFC ngày 25/7/2023 thì tổng giá trị nhà và đất tại số 326 đường P là 6.022.063.800đồng (207.023.800đồng + 5.815.040.000đồng). Đồng thời, tại phiên toà sơ thẩm, các đương sự cũng thống nhất bà B có xây dựng thêm phần nhà dưới và lót nền gạch men trị giá 95.896.000đồng nên cần công nhận phần giá trị xây dựng này cho bà B. Như vậy, giá trị nhà, đất còn lại là: 5.926.167.800đồng. Sau khi bà Phan Thị T chết (năm 1994), bà L và bà Đỗ Thị T có công sức tôn tạo, gìn giữ và quản lý nhà, đất nên Toà án cấp sơ thẩm trích công sức tôn tạo, giữ gìn, quản lý di sản thừa kế cho bà L và bà Đỗ Thị T 10% giá trị di sản thừa kế là 592.616.780đồng, mỗi người được nhận 296.308.390đồng là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà B.

[2.3.2] Như vậy, giá trị di sản của ông Đỗ Đ và bà Phan Thị T để lại là 5.333.551.000đồng, chia phần di sản mỗi người để lại là 2.666.775.500đồng. Ông Đỗ Đ và bà Phan Thị T chết không để lại di chúc nên di sản của ông Đ và bà T được chia theo pháp luật. Ông Đ chết trước bà Phan Thị T. Lẽ ra, trong trường hợp này Toà án cấp sơ thẩm phải chia di sản của ông Đỗ Đ cho 06 người (gồm vợ và 05 người con), sau đó chia di sản của bà Phan Thị T cho 03 người con mới đúng theo quy định tại Điều 651 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà Võ Thị B, điều chỉnh lại phần phân chia di sản cho đúng. Cụ thể:

- Hàng thừa kế thứ nhất của ông Đỗ Đ gồm có: bà Phan Thị T, ông Đỗ C, ông Đỗ S, bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thị Thu L, bà Đỗ Thị Bích L nên di sản thừa kế của ông Đ để lại là: $2.666.775.500\text{đồng} : 6 = 444.462.583\text{đồng}$.

- Hàng thừa kế thứ nhất của bà Phan Thị T gồm: bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thị Thu L và bà Đỗ Thị Bích L (bà Phan Thị T không có con riêng) nên di sản thừa kế của bà Phan Thị T để lại là: $3.111.238.083\text{đồng} (2.666.775.500\text{đồng} + 444.462.583\text{đồng}) : 3 = 1.037.079.361\text{đồng}$.

- Ông Đỗ C chết năm 1972, có 05 người con gồm: Đỗ Thị Thuý D, Đỗ Thị Phương X, Đỗ Phú C, Đỗ Thị Trâm A và Đỗ Thị Thuý T nên kỷ phần thừa kế được nhận từ ông Đỗ Đ của ông C chết để lại là: $444.462.583 \text{đồng} : 5 = 88.892.516 \text{đồng}$.

- Ông Đỗ S chết năm 1989, có 06 người con gồm: Đỗ Thị M, Đỗ Thị M, Đỗ Thị L, Đỗ Thị T, Đỗ H, Đỗ Thị X nên kỷ phần thừa kế được nhận từ ông Đỗ Đ của ông S chết để lại là: $444.462.583 \text{đồng} : 6 = 74.077.097 \text{đồng}$.

[2.3.3] Như vậy, bà Đỗ Thị Thu L được nhận: $296.308.390 \text{đồng} + 444.462.583 \text{đồng} + 1.037.079.361 \text{đồng} = 1.777.850.334 \text{đồng}$; bà Đỗ Thị Bích L được nhận: $444.462.583 \text{đồng} + 1.037.079.361 \text{đồng} = 1.481.541.944 \text{đồng}$; bà Đỗ Thị T được nhận: $296.308.390 \text{đồng} + 444.462.583 \text{đồng} + 1.037.079.361 \text{đồng} = 1.777.850.334 \text{đồng}$.

[2.3.4] Bà Đỗ Thị T chết năm 2018, có chồng là ông Phạm Đăng V hiện ở Hoa Kỳ và có 02 người con: Phạm Thị Thu (chết khi chưa có chồng con), ông Phạm Văn T (chết năm 2017). Ông T có vợ là bà Võ Thị B và hai con: Phạm Vũ Phương H (sinh năm 2006) và Phạm Đăng K (sinh năm 2009), chưa đủ 18 tuổi nên bà B đại diện nhận kỷ phần thừa kế của bà Đỗ Thị T là: $1.777.850.334 \text{đồng}$. Ngoài ra, bà B còn nhận giá trị phần xây dựng thêm là: $95.896.000 \text{đồng}$, tổng cộng: $1.873.746.334 \text{đồng}$.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Bích L với nội dung yêu cầu được nhận nhà, đất và định giá lại tài sản, Hội đồng xét xử thấy rằng: từ trước đến nay, gia đình ông Phạm Văn T sinh sống tại ngôi nhà này và hiện không còn chỗ ở nào khác. Bà L tuy cùng ở trong cùng ngôi nhà nhưng bà là người độc thân. Trong khi chiều rộng ngôi nhà chỉ có 5,08m nên không thể ngăn chia được. Hơn nữa, trước đây tại văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế được công chứng ngày 21/01/2014 thì bà L đồng ý nhận tiền và đồng ý giao toàn bộ nhà, đất cho bà Đỗ Thị T. Mặt khác, năm 2014 ông T thế chấp nhà, đất này để vay tại Ngân hàng TMCP S chi nhánh Quảng Nam, phòng giao dịch Thăng Bình nên Toà án cấp sơ thẩm tuyên giao nhà, đất cho bà Võ Thị B được quyền sử dụng toàn bộ diện tích $94,4\text{m}^2$ đất và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất, đồng thời bà B có nghĩa vụ thối trả tiền cho những người thừa kế theo quy định của pháp luật là phù hợp. T phiên toà phúc thẩm, bà L và bà L thay đổi nội dung kháng cáo, không yêu cầu định giá lại tài sản mà yêu cầu Hội đồng xét xử công nhận giá trị tài sản là $6.926.167.800 \text{đồng}$ vì các bà cho rằng hiện nay giá trị nhà, đất tăng lên 01 tỷ đồng so với thời điểm định giá nhưng bà L, bà L không cung cấp được căn cứ chứng minh giá trị nhà, đất tăng thêm 01 tỷ đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L và bà L.

[4] Bà Võ Thị B và 02 con là Phạm Vũ Phương H và Phạm Đăng K là người thừa kế của ông T nhưng cấp sơ thẩm không tuyên giao cho bà B và 02 con (do bà B đại diện) được quyền sử dụng toàn bộ diện tích 94,4m² đất và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất cũng như không buộc bà B và 02 con có nghĩa vụ bồi trả cho những người thừa kế là không đúng, cấp phúc thẩm sửa lại cho đúng.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Thu L là có căn cứ. T phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự không xuất trình tài liệu chứng cứ gì mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Bích L; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị B và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí: do nội dung kháng cáo không được chấp nhận, lẽ ra các bà Đỗ Thị Thu L, Đỗ Thị Bích L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng xét, bà L và bà L là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên bà L và bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do nội dung kháng cáo của bà Võ Thị B được chấp nhận một phần nên bà B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho bà B. Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên cấp phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Bích L; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị B, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2023/DS-ST ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Áp dụng các Điều 618, 623, 649, 651, 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 06/2016/AL, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu L về việc “Tranh chấp giao dịch dân sự liên quan đến tài sản thừa kế và chia thừa kế”.

- Hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được công chứng ngày

23/01/2014 và hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 326 đường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam được công chứng ngày 26/6/2014.

- Giao cho bà Võ Thị B và 02 con là Phạm Vũ Phương H, Phạm Đăng K (do bà B đại diện) được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất 94,4m² và quyền sở hữu ngôi nhà gắn liền với diện tích đất 94,4m² tại số 326 P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam đã được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 14/7/2014 đứng tên ông Phạm Văn T (có sơ đồ bản vẽ trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo Bản án sơ thẩm).

2. Bà Đỗ Thị Thu L được quyền lưu cư trong thời gian 03 (ba) tháng, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Bà Võ Thị B và 02 con là Phạm Vũ Phương H, Phạm Đăng K (do bà B đại diện) phải có nghĩa vụ bồi trả phần thừa kế cho các đồng thừa kế như sau:

3.1. Bà Đỗ Thị Thu L 1.777.850.334đồng (một tỷ, bảy trăm bảy mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi ngàn, ba trăm ba mươi tư đồng).

3.2. Bà Đỗ Thị Bích L 1.481.541.944đồng (một tỷ, bốn trăm tám mươi một triệu, năm trăm bốn mươi một ngàn, chín trăm bốn mươi bốn đồng).

3.3. Bà Đỗ Thị Thúy D 88.892.516đồng (tám mươi tám triệu, tám trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm mười sáu đồng).

3.4. Bà Đỗ Thị Phương X 88.892.516đồng (tám mươi tám triệu, tám trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm mười sáu đồng).

3.5. Ông Đỗ Phú C 88.892.516đồng (tám mươi tám triệu, tám trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm mười sáu đồng).

3.6. Bà Đỗ Thị Trâm A 88.892.516đồng (tám mươi tám triệu, tám trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm mười sáu đồng).

3.7. Bà Đỗ Thị Thùy T 88.892.516đồng (tám mươi tám triệu, tám trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm mười sáu đồng).

3.8. Bà Đỗ Thị M 74.077.097đồng (bảy mươi bốn triệu, bảy mươi bảy ngàn, không trăm chín mươi bảy đồng).

3.9. Bà Đỗ Thị M 74.077.097đồng (bảy mươi bốn triệu, bảy mươi bảy ngàn, không trăm chín mươi bảy đồng).

3.10. Bà Đỗ Thị L 74.077.097đồng (bảy mươi bốn triệu, bảy mươi bảy ngàn, không trăm chín mươi bảy đồng).

3.11. Bà Đỗ Thị T 74.077.097đồng (bảy mươi bốn triệu, bảy mươi bảy ngàn, không trăm chín mươi bảy đồng).

3.12. Ông Đỗ H 74.077.097đồng (bảy mươi bốn triệu, bảy mươi bảy ngàn, không trăm chín mươi bảy đồng).

3.13. Bà Đỗ Thị X 74.077.097đồng (bảy mươi bốn triệu, bảy mươi bảy ngàn,

ngàn, không trăm chín mươi bảy đồng).

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đỗ Thị Thu L, bà Đỗ Thị Bích L, bà Đỗ Thị M, bà Đỗ Thị M, bà Đỗ Thị L, bà Đỗ Thị T và bà Đỗ Thị Thuý D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Võ Thị B được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Đỗ Thị Phương X, ông Đỗ Phú C, bà Đỗ Thị Trâm A, bà Đỗ Thị Thuý T, mỗi người phải chịu 4.444.625 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Đỗ H và bà Đỗ Thị X, mỗi người phải chịu 3.703.854 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Đỗ Thị Thu L và bà Đỗ Thị Bích L.

- Bà Võ Thị B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà B số tiền 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000579 ngày 10/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền phải thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, P HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Liên